

### 377. Chuyện Bà La Môn Setakeku (Tiền Thân Setaketu)

*Hiền hữu, hận sân chẳng lợi gì....,*

*Bậc Đạo Sư kể chuyện này chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo lừa dối.*

*Hoàn cảnh câu chuyện sẽ xuất hiện trong Tiền thân Uddāla, số 487.*

-ooOoo-

Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bô-tát là một giáo sư danh tiếng lừng lẫy và dạy thánh kinh cho năm trăm đồ đệ. Vị huynh trưởng trong bọn là Setakeku, xuất thân từ một gia đình Bà-la-môn miền Bắc, vốn rất tự cao về giai cấp mình.

Một hôm chàng ra khỏi thành phố cùng bè bạn, lúc trở về, chàng thấy một kẻ Chiên-đà-la (Candāla):

- Anh là ai? Chàng hỏi.

- Tôi là một Chiên-đà-la.

Vị ấy sợ ngọn gió sau khi chạm vào người kẻ Chiên-đà-la sẽ đung vào thân mình, nên thốt lên:

- Đồ khốn kiếp, này tên Chiên-đà-la xui xẻo kia, hãy tránh gió mau.

Rồi chàng chạy nhanh về phía gió. Song kẻ Chiên-đà-la cũng nhanh chân bắt kịp chàng và đứng trước gió cản. Chàng lại càng phỉ báng mạ lỵ kẻ kia nhiều hơn nữa. Kẻ Chiên-đà-la hỏi:

- Ông là ai?

- Ta là một thư sinh Bà-la-môn.

- Tốt lắm, nếu vậy thì ông có thể đáp câu hỏi của tôi.

- Đúng vậy.

- Còn nếu ông không đáp được, tôi sẽ kẹp ông lại giữa hai chân tôi đấy.

Vị Bà-la-môn đầy tự tin, bảo:

- Cứ làm ngay đi.

Kẻ Chiên-đà-la muốn làm cả hội chúng hiểu chuyện này, liền hỏi:

- Này thanh niên Bà-la-môn, các phương hướng là gì?

- Đó là bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Kẻ Chiên-đà-la bảo:

- Tôi không hỏi loại phương hướng đó, còn ông không biết ngay đến chuyện này, mà lại ghê tởm luôn cả ngọn gió đung vào người tôi!

Thế là kẻ ấy chụp lấy vai chàng đè xuống kẹp vào giữa hai chân mình.

Các học trò kia đem chuyện ấy kể với thầy. Vị thầy bảo:

- Này cậu Setakeku, cậu đã bị kẹp giữa hai chân một kẻ Chiên-đà-la ấy à?

- Thưa thầy, vâng, thằng oắt con của một tên nô lệ đã kẹp đệ tử giữa hai chân nó và bảo: "Ông này không biết ngay các phương hướng". Nhưng nay đệ tử đã biết phải làm gì với nó rồi".

Và như vậy, chàng lại phỉ báng kẻ Chiên-đà-la một cách giận dữ. Vị thầy khuyên nhủ:

- Này cậu Setakeku, đừng giận nó, nó có trí tuệ cao đấy. Nó đã hỏi cậu về một loại phương hướng khác, chứ không phải loại này. Thứ mà cậu không thấy, không nghe, không hiểu, còn cao xa hơn thứ mà cậu đã thấy và nghe nữa.

Rồi ngài ngâm hai câu kệ để khuyên giáo:

*Hiền hữu, hận sân chẳng lợi gì,*

*Trí cao vượt quá chuyện mình nghe:*

*"Một phương" phải hiểu là cha mẹ,*

*"Thầy giáo" được dùng chỉ hướng kia.*

*"Gia chủ" cho y phục, uống ăn,*

*Cửa thường rộng mở, chính là "phương",*

*Còn "phương" trong nghĩa cao siêu nhất:*

*"Trạng thái vô ưu, lạc Niết-bàn".*

Như vậy, Bô-tát giảng giải bốn phương cho thanh niên Bà-la-môn này, song chàng nghĩ: "Ta đã bị kẹp giữa hai chân một kẻ Chiên-la-đà", liền rời nơi ấy và đến Takksilā học đủ mọi môn nghệ thuật với một giáo sư danh tiếng lẫy lừng. Sau đó, được thầy cho phép, chàng rời Takksilā, vừa du hành đây đó, vừa học tập mọi nghề thực tiễn.

Khi đến một làng biên địa, chàng gặp năm trăm nhà khổ hạnh sống gàn đó và được thọ giới tu hành.

Chàng học hỏi được mọi nghệ thuật, Kinh điển và các phương pháp thực hành, rồi tất cả cùng vị ấy đi

đến Ba-la-nại

Hôm sau chàng đi vào cung đình khát thực. Vua hoan hỷ trước phong cách các vị khổ hạnh, liền cúng dường thực phẩm ngay tại cung vua, và mời các vị ở lại ngự viên. Một hôm vua bảo trong lúc cúng dường thực phẩm:

- Chiều tối nay trăm sẽ đến đánh lễ các Tôn giả ngay tại ngự viên.

Setakeku liền đến ngự viên, triệu tập các vị khổ hạnh và bảo:

- Các Tôn giả, hôm nay đức vua sẽ đến. Chỉ cần một lần hòa hợp với vua chúa, người ta có thể sống sung sướng suốt cả đời. Vậy bây giờ một số vị làm kiêu khổ hình bằng cách lác mạnh người, một số vị nằm trên giường gai, một số vị chịu đựng năm ngọn lửa, một số thực hành khổ hạnh bằng cách ngồi xồm, một số nhào lộn, một số đọc kinh.

Sau khi ra lệnh xong, chính vị ấy ngồi tại cửa am thất với gối dựa, đặt quyển sách bao bìa sáng loáng trên một giá gỗ có sơn và giảng kinh cho đám học trò thông minh chừng bốn năm người. Vừa lúc ấy nhà vua đến, thấy họ đang diễn trò khổ hạnh giả dối này lại rất hài lòng. Vua đến gần Setakeku, kính vái chàng, rồi ngồi xuống một bên, sau đó ngâm vần kệ thứ ba nói chuyện với vị tế sư của hoàng gia:

*Hàm răng bản, áo da dê, tóc bện,*

*Miệng thì thâm kinh thánh, dáng bình an,*

*Chẳng từ nan mọi phương tiện hiền nhân,*

*Chắc đã đạt Chân như và Giải thoát.*

Vị tế sư nghe vậy, liền đáp vần kệ thứ tư:

*Một trí nhân có thể làm ác hạnh,*

*Một trí nhân có thể chẳng chánh chân,*

*Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn*

*Khi việc hồng, hoặc cứu người lâm nạn.*

Khi vua nghe lời này, liền lấy lại mọi ân sủng dành cho đám khổ hạnh kia. Setakeku nghĩ thầm: "Nhà vua ham thích đám khổ hạnh, song tế sư này đã phá hoại như thể lấy rìu chặt ngang sở thích của vua. Ta phải nói chuyện với tế sư mới được". Do thế, chàng ngâm vần kệ thứ năm nói chuyện với tế sư:

*Một trí nhân có thể làm ác hạnh,*

*Một trí nhân có thể chẳng chánh chân,*

*Ngài bảo Vệ-đà là vật không cần,*

*Chỉ tu tập điều thân là thiết yếu.*

Vị tế sư nghe vậy, liền đáp vần kệ thứ sáu:

*Không, Vệ-đà không hoàn toàn vô dụng,*

*Dù điều thân tu tập: đạo chánh chân,*

*Học Vệ-đà vẫn mang lại vinh quang,*

*Song ta đạt Tối an nhờ chánh hạnh.*

Như vậy, vị tế sư bài bác giáo lý của Setakeku. Ngài khuyên cả đám khổ hạnh hoàn tục, cho họ grooms, giáo, mộc để làm quan thị vệ cao cấp hầu cận vua. Từ đó người ta bảo dòng dõi quan thị vệ cao cấp xuất hiện.

-ooOoo-

Khi chấm dứt Pháp thoại này, bậc Đạo Sư nhận diện Tiên thân:

- Thời ấy, Setakeku là Tỷ-kheo lừa dối này, kẻ Chiên-đà-la là Sàriputta và tế sư của nhà vua chính là Ta.

-ooOoo-

### **378. Chuyện Bà La Môn Darimukha (Tiên Thân Darimukha)**

***Dục lạc chỉ là đám bùn dơ bẩn..,***

*Chuyện này bậc Đạo Sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Đại sự Xuất thế.*

*Sự tình dẫn đến chuyện này đã được kể trước kia.*

-ooOoo-

Một thuở nọ, vua Magadha trị vì tại thành Rajagaha (Vương Xá). Bò-tát được sinh làm con của chánh hậu, được đặt tên vương tử Brahmadata. Vào ngày ngài ra đời, vị tế sư của hoàng gia cũng sinh một nam tử, diện mạo tuấn tú, vì thế được đặt tên là Darimukha (Miệng hang lớn). Cả hai cùng lớn lên trong cung đình và trở thành bạn thân. Năm mười sáu tuổi, hai vị đến Takkasilà học đủ mọi môn nghệ thuật. Sau đó muốn tạo được các kiến thức có công dụng thực tiễn và tìm hiểu phong tục trong nước, hai vị du hành qua nhiều thành phố, thôn làng khắp mọi miền.

Vì vậy, hai vị đến Ba-la-nại trú ở trong một ngôi đền và hôm sau vào kinh thành khát thực. Có một nhà trong kinh thành đã nấu xong cháo gạo và chuẩn bị chỗ ngồi để cúng dường phần thức ăn cho các Bà-lamôn. Khi họ thấy hai nam tử này khát thực, họ nghĩ: "Các Bà-la-môn đã đến", liền mời vào và trải một tấm khăn trắng trên ghế của Bồ-tát và một thảm đỏ dưới chân Darimukkha.

Chàng quan sát diềm này và hiểu ngay thân hữu chàng sẽ làm vua ở Ba-la-nại và chính chàng sẽ làm đại tướng. Hai vị thọ thực xong phần mình rồi nói lời tùy hỷ công đức và ra đi về ngự viên. Bồ-tát nằm trên sàng tọa bằng đá của vua, còn Darimukha ngồi xoa chân ngài.

Thời ấy, vua Ba-la-nại đã băng hà đã bảy ngày. Vị tể sư hoàng gia làm lễ hỏa táng xong liền đưa vương xa ra khỏi thành suốt bảy ngày vì chưa có ai kế vị ngai vàng. Lễ rước vương xa này sẽ được giải thích trong Tiên thân Mahàjanaka, số 539. Vương xa rời kinh thành và đến công ngự viên, được bốn đạo quân xa pháo mã tượng hộ tống và âm nhạc của hàng trăm nhạc khí trời dậy vang lừng.

Darimukha nghe tiếng nhạc, nghĩ thầm: "Vương xa đến rước thân hữu ta đó, ngài sẽ lên ngôi vua hôm nay, và phong ta chức đại tướng, song ta có nên làm người thế tục chăng? Ta muốn đi ngay làm ẩn sĩ khổ hạnh". Vì thế không nói gì với Bồ-tát, chàng chạy sang một bên đứng ẩn mình.

Vị tể sư ngừng xe trước công ngự viên, vừa bước vào thấy Bồ-tát đang nằm trên bảo tọa của hoàng gia. Vừa quan sát các tướng tốt trên chân ngài, ông nghĩ: "Ngài có đủ đức độ và xứng đáng làm vua cả bốn đại châu cùng với hai ngàn hải đảo vây quanh. Song lòng can đảm của ngài ra sao đây?".

Vì thế ông ra lệnh mọi nhạc khí đồng trời dậy hết sức inh ỏi. Bồ-tát thức dậy, gỡ tấm khăn ra khỏi mặt và thấy đám đông. Rồi che mặt lại, ngài nằm xuống thêm chút nữa, xong trở dậy ngồi xếp bằng trên sàng tọa trong lúc xe vừa dừng lại.

Vị tể sư quỳ xuống, thưa:

- Tâu Chúa thượng, quốc độ được nhường cho Chúa thượng.
- Sao? Không ai kế vị à?
- Tâu Chúa thượng, không.
- Thế thì tốt lắm.

Vậy là ngài nhận lời thỉnh cầu và hội chúng làm lễ quán đảnh rảy nước thánh lên đầu ngài tại ngự viên. Trong giờ phút đại vinh quang ấy, ngài quên bằng Darimukha, ngài ngự lên vương xa đi giữa đám quần thần uy nghi diễu vòng quanh kinh thành. Sau đó dừng lại trước cung môn, ngài chỉ định vị trí của các triều thần, xong bước lên lầu thượng.

Cùng lúc ấy, Darimukha thấy ngự viên đã vắng người liền bước ra ngồi trên bảo tọa trong vườn. Một ngọn lá khô rơi xuống trước mặt ngài. Thấy rõ các quy luật lão tử, ngài bừng ngộ Tam pháp ấn (Khổ, vô thường, vô ngã) và chứng đắc quả vị Độc Giác Phật (Pacceka-bodhi), liền reo mừng hoan hỷ làm vang dậy cả cõi trần. Ngay lập tức các đặc tính của một phạm nhân biến mất khỏi thân Ngài, một bình bát và một tấm y kỳ diệu từ cõi thiên rơi xuống khoác vào người và Ngài có đủ tám món cần thiết cùng tứ oai nghi hoàn thiện của một Sa-môn cả trăm tuổi, rồi nhờ thần lực, Ngài bay qua không gian đến tận Động Nandamùla, nơi an trú của các vị Độc Giác Phật tại miền Tuyết Sơn.

Phần Bồ-tát trị nước rất chân chánh. Song cảnh đại vinh quang đã làm ngài say đắm suốt bốn mươi năm ròng. Ngài quên hẳn Darimukha. Đến năm thứ bốn mươi ấy ngài nhớ lại bạn và tự bảo: "Trẫm có thân hữu tên là Darimukha, nay vị ấy ở đâu?". Ngài mong ước gặp lại bạn. Từ đó về sau, ngay trong hậu cung hay giữa quần thần, ngài thường bảo:

- Thân hữu Darimukha nay ở đâu? Trẫm sẽ ban vinh hoa phú quý cho ai báo tin với trẫm về nơi bạn hiện cư trú".

Lại mười năm nữa trôi qua từ khi ngài thỉnh thoảng nhớ đến bạn. Còn Tôn giả Darimukha đã trở thành Độc Giác Phật, sau năm mươi năm, suy xét lại và biết bạn cũng đang nhớ đến Ngài, liền nghĩ: "Nay bạn ta đã già và tăng thêm đàn con cháu, ta muốn đi thuyết Pháp và truyền giáo cho bạn".

Nhờ thần lực, Ngài bay qua không gian và hạ mình xuống vườn ngự uyển, ngồi xuống bảo tọa như một bức tượng vàng ròng. Người giữ vườn thấy Ngài, đi đến hỏi:

- Thưa Ngài, Ngài từ đâu đến?
- Từ động Nandamùlaka.
- Thế Ngài là ai?
- Hiền giả, ta là Độc Giác Darimukha.
- Thưa Ngài, thế Ngài biết đức vua của chúng tôi chăng?

- Ta biết. Ngài là thân hữu từ thời ta còn ở thế tục.
- Thưa Ngài, đức vua ước ao hội kiến Ngài, tôi xin đi trình báo đức vua rằng Ngài đã đến.
- Hiền hữu cứ đi làm như vậy.

Người làm vườn liền đi trình vua rằng Tôn giả Darimukha đã đến và hiện đang ngồi trên thạch tọa. Vua phán:

- Thế là Hiền hữu của trẫm đã đến, trẫm sẽ đi hội kiến ngay.

Vì vậy ngài ngự lên vương xa cùng đám tùy tùng hộ tống đông đảo đến ngự viên, cung kính đánh lễ vị Độc Giác Phật và ngồi xuống một bên. Vị Độc Giác Phật bảo:

- Nay Brahmadata, Đại vương nên trị nước chân chánh, đừng bao giờ theo ác đạo hay đàn áp dân chúng vì tiền bạc. Hãy làm mọi thiện sự với lòng nhân từ.

Và sau đó khi ân cần đáp lễ, Ngài bảo thêm:

- Nay Brahmadata, nay Đại vương đã già đã đến lúc Đại vương nên từ giả dục lạc và xuất gia.

Như thế, Ngài thuyết Pháp và ngâm vần kệ đầu:

*Dục lạc chỉ là đám bùn dơ bẩn*

*"Nồi kinh hoàng ba góc" được gọi là,*

*Ta bảo rằng khói bụi với sương sa,*

*Hãy bỏ chúng, xuất gia lia thế tục.*

Nghe vậy, vua ngâm vần kệ giải thích ngài vẫn đang bị tham dục ràng buộc:

*Trẫm say đắm, lún sâu bùn tham dục,*

*Bà-la-môn, dục lạc đáng kinh thay,*

*Song yêu đời, trẫm không thể bỏ ngay,*

*Trẫm xin nguyện suốt đời làm thiện sự.*

Sau đó, mặc dù Bồ-tát bảo: "Ta không muốn thọ giới xuất gia", Tôn giả Darimukha cũng không bài bác vua và khích lệ lần nữa:

*Ai bác bỏ lời bạn hiền khuyên nhủ,*

*Thương xót và mong bạn tránh đọa đày,*

*Cứ tưởng rằng: "Cõi thế tốt lành thay",*

*Sẽ không dứt tái sinh đâu thai mãi.*

*Nơi đày đọa đáng kinh: phần kẻ ấy*

*Đầy vật dơ, bị người thiện chê bai,*

*Kẻ tham kia dục vọng chẳng hề rời,*

*Thân xác chứa ngập đầy mầm nhục dục.*

Như vậy, Độc Giác Phật Darimukha nêu rõ sự khổ đau do nhập thai và vội vàng bày tỏ nỗi khổ đau vì sinh sản qua một vần kệ nữa:

*Đầu máu mủ, vật hôi tanh thế tục,*

*Mọi hữu tình đều phải chịu tái sinh,*

*Những vật gì xúc chạm suốt đời mình,*

*Chỉ cốt để đem khổ đau trần giới.*

*Ta nói lên những điều ta trông thấy,*

*Chứ không lo người khác nói ta nghe,*

*Ta nhớ rành các đời kiếp xưa kia.*

Lúc bấy giờ với Trí tuệ Tối thắng, bậc Đạo Sư bảo:

- Như thế vị Độc Giác Phật đã dùng thiện ngôn cứu giúp nhà vua.

Và Ngài ngâm nữa vần kệ kết thúc:

*Da-ri-muk đã rót vào tai bạn*

*Su-me-dha lấm vắn kệ ngọt ngào,*

*Hiển bày ra cả trí tuệ tối cao.*

Vị Độc Giác Phật bày tỏ mọi khổ đau của tham dục và làm vua hiểu lời Ngài dạy xong, liền nói:

- Thưa Đại vương, dù Đại vương có thọ giới xuất gia hay không, ta cũng đã nói hết nỗi khôn cùng của tham dục và hạnh phúc của đời xuất gia, xin Đại vương hãy tinh cần.

Rồi giống như một con kim nga vương, Ngài bay bổng lên không, lướt mây về đến động Nandamulaka.

Còn bậc Đại Sĩ đánh lễ với mười ngón tay chắp vào nhau, va cú đầu đứng yên cho tới khi Tôn giả

Darimukha khuất bóng. Sau đó vua từ bỏ dục lạc, trong lúc quần chúng đông đảo than khóc kêu gào, ngài đi đến vùng Tuyết Sơn dựng một lều lá và thọ giới làm ẩn sĩ. Chẳng bao lâu ngài thành đạt các Thắng trí và các Thiên chúng, rồi lúc mạng chung, Ngài được sinh lên cõi Phạm thiên.

-ooOoo-

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật, sau đó nhiều Tỷ-kheo đắc sơ quả cùng các quả vị kia, và Ngài nhận diện Tiền thân:

- Thời ấy nhà vua chính là Ta.

### 379. Chuyện Núi Neru (Tiền Thân Neru)

**Hai chúng ta là loài chim ưu tú..**

**Bậc Đạo Sư kể chuyện này chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một vị Tỷ-kheo.**

Chuyện kể rằng vị ấy học được các phương thức hành thiền của bậc Đạo Sư xong, liền ra một làng ở biên địa. Tại đó dân chúng hài lòng với phong cách của ông, nên cúng dường thực phẩm, dựng một thảo am ở trong rừng và yêu cầu ông ở lại đó rồi bày tỏ lòng tôn kính trọng vọng ông. Nhưng sau đó họ lại rời bỏ ông, để đi theo các đạo sư thuộc phái Thường kiến, rồi lại bỏ các vị này để theo giáo phái Đoạn kiến, xong lại bỏ phái này để theo phái khổ hạnh lửa thề, vì đạo sư các phái này cứ lần lượt xuất hiện.

Do thế vị Tỷ-kheo này rất phiền lòng khi sống chung với những người không phân biệt thiện ác kia.

Sau thời an cư mùa mưa và lễ Tự tứ (Pavàranà), vị ấy trở về hầu bậc Đạo Sư và khi Ngài hỏi, ông kể lại những nơi ông đã cư trú trong mùa mưa vừa qua và ông đã phải phiền lòng ra sao vì những người không biết thiện ác. Bậc Đạo Sư bảo:

- Các bậc trí ngày xưa, ngay khi còn là loài vật, cũng không sống chung một ngày với những kẻ không biết thiện ác, tại sao ông lại làm như vậy?

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

-ooOoo-

Ngày xưa, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một chim Thiên nga màu vàng óng. Ngài sống cùng em trai trên đỉnh núi Cittakuta và ăn lúa đại trên vùng Tuyết Sơn. Một hôm bay về Cittakuta, đôi chim thấy ngọn núi Neru màu vàng rực rỡ liền đến ở trên đỉnh. Chung quanh núi có nhiều loài chim và dã thú cùng sống để kiếm ăn trên bãi. Từ lúc bọn chúng đến đây, tất cả đều nhuộm màu vàng do ánh sáng từ núi chiếu ra. Chim em của Bồ-tát thấy vậy, song không hiểu lý do liền hỏi:

- Vì có sao ở đây lại như vậy?

Và chim cất tiếng ngâm hai vần kệ đầu nói chuyện cùng anh:

*Hai chúng ta là loài chim ưu tú*

*Trên núi này bên đám quạ, điều hâu,*

*Cả mọi loài cùng chỉ có một màu:*

*Chó hạ liệt đua tranh cùng loài hổ,*

*Và với chúa sơn lâm: đàn sư tử*

*Vậy núi này có tên gọi là sao?*

Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba đáp lại:

*Ne-ru là tên gọi Núi tối cao,*

*Ở nơi đây muôn loài đều vàng óng.*

Chim em nghe lời này liền ngâm ba vần kệ tiếp còn lại:

*Hễ nơi nào thiện nhân không được trọng,*

*Hoặc ít hơn người khác, hãy đi liền,*

*Dầu hiền ngu, can đảm hoặc uon hèn,*

*Đều nhất loạt được tôn sùng bình đẳng,*

*Thiện nhân chẳng thể cùng người chung sống,*

*Hỡi Núi cao không phán đoán phân minh!*

*Dầu tối ưu, hạ liệt, hoặc trung bình,*

*Ne-ru cũng chẳng thể nào suy xét,*

*Vậy, hỡi ôi! Chúng ta đành từ biệt*

*Núi Ne-ru không biết lẽ biệt phân.*

Cùng với lời này cả đôi chim bay về núi Cittakuta.

-ooOoo-

Khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật và nhận diện Tiền thân. Lúc kết thúc các

Sự Thật, vị Tỷ-kheo kia đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu):

- Vào thời ấy, Thiên nga em là Ananda, và Thiên nga anh chính là Ta.

-ooOoo-

### 380. Chuyện Thiên Nữ Àsankà (Tiền Thân Àsankà)

*À-sà-ti mọc trên vườn thiên giới..*

*Bậc Đạo Sư kể chuyện này chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự cảm dỗ một Tỷ-kheo do người vợ cũ gây ra.*

*Hoàn cảnh này sẽ xuất hiện trong Tiền thân Indriya, số 423.*

*Bậc Đạo Sư nhận thấy vị Tỷ-kheo này thối thất do mơ tưởng đến người vợ cũ, vì thế Ngài bảo:*

*- Nay Tỷ-kheo, nữ nhân này đang làm hại ông, ngày xưa cũng vì kẻ ấy mà ông đã hy sinh cả bốn đạo quân và sống ba năm liền ở vùng Tuyết Sơn trong cảnh đầy gian khổ.*

*Nói xong Ngài kể một chuyện đời xưa.*

-ooOoo-

Ngày xưa, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba-la-nại, Bô-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn tại một làng trong xứ. Khi ngài lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Đại học Takkasilà, sau đó trở thành một vị khổ hạnh đạt được các Thắng trí và các Thiền chứng, sống bằng củ quả ở rừng Tuyết Sơn. Vào thời ấy có một thiếu nữ đức hạnh vẹn toàn từ cõi trời Ba mươi ba giáng trần, đầu thai làm một thiếu nữ trong đóa hoa sen trên hồ nước. Trong khi các hoa khác già cõi héo tàn, rơi rụng thì hoa ấy lớn dần và đứng thẳng trên cành.

Vị khổ hạnh đến tắm trong hồ nhận thấy thế, nghĩ thầm: "Các hoa khác rơi rụng, song hoa này cứ lớn dần ra và thẳng đứng, sao lạ thế này?" Ngài liền mặc áo tắm và lội đến đó, mở đóa sen ra, ngài trông thấy cô bé gái. Ngài cảm thấy thương yêu nàng như con mình, liền đem cô bé về thảo am, chăm sóc nuôi nấng. Nàng lớn dần đến năm mười sáu tuổi trở thành rất xinh đẹp, dung sắc nàng vượt hẳn dung sắc loài người, nhưng chưa đạt đến dung sắc chư Thiên.

Một hôm Thiên chủ Sakka hiện xuống hội kiến Bô-tát. Thiên chủ thấy thiếu nữ này liền hỏi chuyện và được biết nàng ở đâu ra. Ngài hỏi:

- Nàng cần những thứ gì, thưa Tôn giả?

- Một chỗ cư trú, y phục nữ trang và thực phẩm, này Thiên chủ.

Ngài liền hóa hiện một cung bằng pha lê cho nàng ở, cùng với bảo tọa, y phục, nữ trang, thực phẩm thân và tiên tửu. Thiên cung này bay xuống trần gian và dừng lại ở nơi nàng đang sống. Khi nàng bước vào trong cung, nó lại bay lên đến giữa không trung. Nàng chuẩn bị đủ mọi thứ phụng dưỡng Bô-tát trong khi nàng sống trong cung này.

Một người kiểm lâm thấy nàng liền hỏi ngài:

- Thưa Tôn giả, nàng ấy là gì của ngài?

- Con gái ta đây.

Người ấy liền đi về Ba-la-nại trình vua:

- Tâu Đại vương, tiểu thần vừa thấy trong vùng Tuyết Sơn cô con gái của một vị khổ hạnh có dung sắc tuyệt thế.

Vua bị cảm dỗ khi nghe chuyện này vội bảo người kiểm lâm làm hướng đạo cùng đi với vua và bốn đạo binh về hướng ấy. Cắm lều trại xong, vua đem người kiểm lâm và đám cận thần đến thảo am. Vua kính chào Bô-tát và bảo:

- Thưa Tôn giả, nữ nhân là thứ bất tịnh đối với đời tu hành, vậy để trẫm chăm sóc tiểu thư.

Bấy giờ Bô-tát đã đặt cho cô gái tên Àsankà vì nàng được ngài đem về nuôi nhờ ngài lội qua hồ nước do lòng nghi hoặc (Àsankà): "Cái gì ở trong hoa sen này?". Ngài không nói thẳng với vua: "Hãy đem nàng đi", mà lại bảo:

- Thưa Đại vương, nếu ngài biết tên con gái ta thì hãy đem nàng đi.

- Thưa Tôn sư, nếu ngài nói ra thì trẫm sẽ biết..

- Ta sẽ không nói đâu, khi nào ngài biết tên ấy thì cứ đem nàng đi.

Vua chấp thuận, từ đó cứ suy xét cùng với đám cận thần: "Tên nàng là gì nhỉ?" và đưa ra đủ thứ tên khó đoán với Bô-tát: "Những tên nọ tên kia là tên nàng". Song Bô-tát bảo không phải và từ chối lời thỉnh cầu. Vì vậy một năm trôi qua trong khi vua xem xét tên nàng.

Sư tử và nhiều dã thú đến vồ lấy mọi người và binh sĩ của vua, lại thêm nhiều hiểm họa vì rắn rết, ruồi muỗi. Nhiều người khác chết vì lạnh. Vua bảo Bô-tát:

- Trẫm cần gì nàng ấy nữa?

Và vua bỏ đi.

Thiếu nữ Àsankà hiện ra trên cửa sổ pha lê mở rộng. Vua thấy nàng liền bảo:

- Chúng ta không tìm ra tên nàng nên chúng ta sẽ ra đi, nàng cứ ở lại Tuyết Sơn này.

- Tâu Đại vương, nếu ngài ra đi, ngài sẽ chẳng bao giờ tìm được một vương phi như thiếp nữa. Trên cõi trời Ba mươi ba, tại vườn Cittalatà, có một loài cây leo tên Àsàvatì. Trái của nó chứa một thứ tiên tửu, những ai uống rượu ấy một lần là phải say suốt bốn tháng nằm yên trên thiên tọa. Nó chỉ sinh trái một lần trong một ngàn năm, cho nên các Thiên tử, dù ham mê rượu nồng, vẫn chịu nhịn khát để đón chờ tiên tửu ấy. Họ bảo nhau: "Ta sẽ hái quả cây này", rồi cứ liên tục đến canh chừng cây ấy suốt cả ngàn năm và bảo nhau: "Cây mọc có tốt chẳng?"

Còn Đại vương, chỉ trong vòng một năm đã sinh lòng bất mãn, hễ ai hái được kết quả của niềm hy vọng là đạt hạnh phúc. Thiếp xin ngài khoan bất mãn vội.

Do vậy, nàng ngâm ba vần kệ đầu:

*À-sà-tì mọc trên vườn Thiên giới*

*Một ngàn năm chỉ sinh trái một lần,*

*Chư Thiên hằng kham nhẫn mãi chờ trông.*

*Quá hy vọng, Đại vương, đầy ngon ngọt,*

*Chim hy vọng không bao giờ tổn thất,*

*Nó đạt tròn mong ước dẫu xa vời.*

*Tâu Đại vương, quá hy vọng ngọt bùi!*

*Cứ hy vọng, Đại vương, hy vọng mãi.*

Vua lại mê say vì lời nàng, rồi triệu tập quần thần một lần nữa và cố đoán tên nàng, cứ mỗi lần đoán mười tên mãi đến khi một năm nữa trôi qua. Song tên nàng vẫn không ở trong số mười lời phỏng đoán kia, nên Bò-tát từ chối lời vua thỉnh cầu. Nàng lại hiện ra trên khung cửa sổ và vua bảo:

- Thôi nàng ở lại đây, trẫm sắp ra đi.

- Tại sao ra đi, tâu Đại vương?

- Vì trẫm không thể nào đoán ra tên nàng.

- Tâu Đại vương, tại sao ngài không thể đoán ra? Niềm hy vọng không phải là không có thành công.

Một con hạc đậu trên đỉnh đồi cũng đạt được mong ước, tại sao ngài không thể đạt được chứ? Tâu Đại vương, hãy kham nhẫn. Một chim hạc đã tìm nơi ăn trong một hồ sen, song nó bay lên tận đỉnh đồi. Nó ở lại đó hôm ấy và hôm sau tự nhủ: "Ta sống thật an lạc tại đỉnh đồi này. Nếu không cần xuống đồi, ta cứ ở đây tìm thức ăn nước uống và đậu tại đây hôm nay thật thích thú biết bao".

Chính ngày hôm ấy, Sakka Thiên chủ đã dẹp tan các thần Asura (A-tu-la) và làm chúa tể cõi trời Ba mươi ba, tự nhủ: "Mọi mong ước của ta đã đạt được đỉnh cao thành tựu. Hôn nay có ai trong rừng chưa đạt niềm mong ước chẳng?" Suy xét như vậy ngài thấy con hạc và nghĩ: "Ta sẽ làm cho niềm mong ước của con hạc được thành tựu". Không xa con hạc đậu có một dòng suối, Thiên chủ đưa con suối đây thức ăn lên đỉnh đồi, như thế chim hạc không cần đi đâu vẫn có cá ăn nước uống thỏa thích suốt ngày ở nơi ấy. Sau đó dòng suối đổ xuống và trôi đi xa. Tâu Đại vương, con hạc đã đạt kết quả niềm hy vọng của nó như vậy, tại sao Đại vương sẽ không đạt được kia chứ? Xin Đại vương cứ hy vọng nữa, hy vọng mãi. Nàng nói và ngâm vần kệ còn lại.

Vua nghe chuyện nàng kể, lại say mê sắc đẹp nàng, bị lời nàng lôi cuốn, nên ở thêm một năm nữa để phỏng đoán cả trăm tên nàng. Sau ba năm, vua tìm đến Bò-tát và hỏi:

- Thưa Tôn giả, tên nàng có nằm trong trăm tên này chẳng?

- Thưa Đại vương, ngài không biết tên ấy đâu.

Vua vái chào Bò-tát và bảo:

- Chúng tôi xin từ giã lên đường.

Và vua ra đi.

Thiếu nữ Àsankà lại đứng bên cửa sổ pha lê. Vua trông thấy nàng liền bảo:

- Thôi nàng ở lại, chúng ta sắp lên đường.

- Tại sao thế, tâu Đại vương?

- Nàng làm ta đẹp lòng vì lời nói chứ không phải vì tình yêu của nàng. Ta say mê lời nói dịu ngọt của nàng, nên đã ở đây ba năm ròng, nay ta quyết ra đi.



Rồi vua ngâm các vần kệ sau:

*Lời nói nàng nghe quả thật dịu êm,  
Song hành động không thỏa lòng mong đợi.  
Hoa hữu sắc vô hương là cỏ dại,  
Lời hứa kia dầu đẹp chẳng thi hành  
Vớ bạn thân, ta phải ném cho nhanh,  
Chẳng đem tặng, cứ để dành mãi mãi,  
Tình bạn kia tất nhiên là suy thoái.  
Ta chỉ nên hứa trước việc mình làm,  
Đừng hứa suông những việc chẳng đảm đang.  
Nếu ta nói mà không làm phận sự,  
Các trí nhân xét xem liền thấy rõ.  
Đạo quân ta hao tổn, cạn kho lương,  
Ta hoài nghi đời sống đã suy tàn,  
Đã đến lúc ra đi, đành từ biệt.*

Khi nàng Àsankà nghe lời vua liền đáp:

- Tâu Đại vương, ngài biết tên thiếp rồi, ngài vừa nói ra tên ấy. Xin hãy nói cho phụ thân biết tên thiếp và đem thiếp cùng ra đi.

Nói vậy xong, nàng liền ngâm vần kệ:

*Tâu Đại vương, vừa nói ra tên thiếp,  
Hãy đến ngay, cha thiếp nhận cầu hôn.*

Vua đến gặp Bò-tát và nói:

- Thưa Tôn giả, tiêu thư tên là Àsankà.

- Thưa Đại vương, ngài đã biết tên nàng, vậy hãy đem nàng ra đi.

Vua kính lễ Bò-tát và đến cung pha lê bảo nàng:

- Này, quý cô nương, phụ thân nàng đã gả nàng cho ta, vậy hãy đến đây ngay.

- Tâu Đại vương, thiếp sẽ đi xin phép phụ thân. Nàng bảo.

Rồi từ cung pha lê, nàng bước xuống đánh lễ Bò-tát, được ngài ưng thuận và cho phép ra đi cùng nhà vua. Vua đem nàng về Ba-la-nại, cùng nàng sống hạnh phúc, sinh được thêm nhiều hoàng tử và công chúa. Còn Bò-tát tiếp tục hành Thiền định và tái sinh lên cõi Phạm thiên.

-ooOoo-

Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật và nhận diện Tiền thân. Vào lúc các Sự Thật kết thúc, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu):

- Àsankà là người vợ cũ kia, vua là vị Tỷ-kheo bất mãn này và vị khổ hạnh chính là Ta.

-ooOoo-